

Số: 02/QĐ-THCSNN

Núa Ngam, ngày 3 tháng 1 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bố công khai dự toán ngân sách năm 2024**  
**của Trường THCS xã Núa Ngam**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn vào Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn vào Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61 /2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào QĐ số 323/QĐ-PGDĐT ngày 31/12/2024 của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên. Về việc Giám dự toán văn phòng; Giao bổ sung dự toán năm 2024 cho các đơn vị thực hiện chính sách chế độ tiền thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của chính phủ năm 2024

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2024 của Trường THCS xã Núa Ngam

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các bộ phận, tổ chuyên môn trong nhà trường có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD Huyện Điện Biên
- Như Điều 3;
- Lưu: VT



**Phạm Trung Thành**

Biểu số 02: Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS xã Núi Ngăm  
Chương: 622



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 323/QĐ - PGDDT ngày 31/12/2024 của trường THCS xã Núi Ngăm )  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*DV tính: VND*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
<i>1</i>	<i>Lệ phí...</i>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<i>2</i>	<i>Phí...</i>	
	Phí...	
	Phí...	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<i>1</i>	<i>Chi sự nghiệp...</i>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<i>2</i>	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh không phí thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<i>1</i>	<i>Lệ phí...</i>	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
<i>2</i>	<i>Phí...</i>	
	Phí...	
	Phí...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>30.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>30.000.000</b>
<i>1</i>	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh không phí thực hiện chế độ tự chủ	
<i>2</i>	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<i>3</i>	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</i>	<b>30.000.000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>30.000.000</b>



<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	

10.2	Dự án B	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

150